

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-CTUBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Ban quản lý Vịnh Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-VNT ngày 27/6/2024 của Ban quản lý Vịnh Nha Trang về việc phê duyệt giá khởi điểm đối với “Tài sản thứ nhất và tài sản thứ hai tại Quyết định số 1424/QĐ-CTUBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa”;

Xét các tài liệu có liên quan,

Ban quản lý Vịnh Nha Trang thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá cho thuê tài sản với các nội dung cụ thể như sau:

Tên người có tài sản đấu giá: Ban quản lý Vịnh Nha Trang

Địa chỉ: 220 Ngô Gia Tự, phường Phước Tiến, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

1. Tên tài sản đấu giá cho thuê: Tài sản thứ nhất và tài sản thứ hai (Chi tiết phụ lục 01 đính kèm).

2. Giá khởi điểm:

- **Giá khởi điểm cho thuê tài sản thứ nhất là:** 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng).

- **Giá khởi điểm cho thuê tài sản thứ nhất trong thời hạn 60 tháng là:** 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

- **Giá khởi điểm cho thuê tài sản thứ hai là:** 14.000.000 đồng/tháng (Mười bốn triệu đồng).

- Giá khởi điểm cho thuê tài sản thứ hai trong thời hạn 60 tháng là: 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, đảm bảo cung cấp các thông tin chính xác trung thực đúng tiêu chí quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 và Điều 3, Phụ lục 1, ban hành theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức giá tài sản, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA
I.	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cần thiết cho việc đấu giá với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (Số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử....)	6,0
1.2.	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá	8,0
2.1.	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá.	4,0
2.2.	Có hệ thống camra giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá (có kèm hình ảnh, hợp đồng hay hóa đơn đã thực hiện)	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến (kèm Quyết định phê duyệt)	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá.	1,0
II.	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0

4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá.	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
III.	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) <i>Tài sản đấu giá cùng loại: là tài sản được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản: “Tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước”</i>	6,0
1.1.	Dưới 03 hợp đồng (Bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2.	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3.	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4.	Từ 20 Hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5.	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành công các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện) <i>Tài sản đấu giá cùng loại: là tài sản được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản: “Tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước”</i> <i>Có bản chụp các Biên bản đấu giá tài sản thành công (không có không chấm điểm)</i>	18,0
2.1.	Dưới 20% (bao gồm không có chênh lệch)	10,0
2.2.	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3.	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4.	Từ 70% đến dưới 100% (71%)	16,0
2.5.	Từ 100% trở lên	18,0

3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0
3.1.	Dưới 03 năm	3,0
3.2.	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3.	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Người có Chứng chỉ hành nghề đấu giá được Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên theo đề nghị của tổ chức đấu giá tài sản nơi người đó hành nghề)	3,0
4.1.	01 đấu giá viên	1,0
4.2.	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3.	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản).	4,0
5.1.	Không có đấu giá viên có thời gian đấu giá từ 03 năm trở lên	2,0
5.2.	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3.	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng: Có quyết toán thuế TNDN năm 2021 được Chi cục thuế xác nhận, có Giấy nộp tiền thuế TNDN vào ngân sách Nhà nước được Tổng cục thuế xác nhận.	5,0
6.1.	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2.	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3.	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4.	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0
7.1.	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2.	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký lựa chọn (có kèm hồ sơ, có giấy Chứng nhận đào tạo nghề đấu giá)	1,0
IV.	Thù lao dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá phù hợp	5,0

1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá tài sản (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ tài chính)	5,0
V.	Tiêu chí khác: Đã từng đấu giá thành công tài sản là đấu giá cho thuê tài sản của các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.	5,0
	Có trên 5 Hợp đồng đấu giá thành công cho thuê tài sản của các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong năm 2024.	5,0
	Tổng số điểm	100
VI.	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

Ban quản lý Vịnh Nha Trang sẽ xem xét, xác minh thông tin phản ánh về việc tổ chức đấu giá tài sản cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn (theo Điểm b Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp). Trường hợp có cơ sở xác định tổ chức đấu giá tài sản cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ thì Ban quản lý Vịnh Nha Trang từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản đó (theo Khoản 7, Điều 5 TT số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp).

Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Từ ngày 08/7/2024 đến hết ngày 10/7/2024 (trong giờ hành chính) tại trụ sở Ban quản lý Vịnh Nha Trang, địa chỉ 220 Ngô Gia Tự, phường Phước Tiến, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Các tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện với các tiêu chí nêu trên gửi hồ sơ về Ban quản lý Vịnh Nha Trang trong thời hạn thông báo.

Ban quản lý Vịnh Nha Trang thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết để
liên hệ nộp hồ sơ./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá TS;
- Ban biên tập trang thông tin điện tử BQLVNT;
- UBND thành phố Nha Trang (b/c)
- Lưu: HCTH, (01b)

TRƯỞNG BAN



Huỳnh Bình Thái

